

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 02 – Đợt 2

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 23 – 24/02/2025

Ngày cung cấp TT: 25/02/2025

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Liên Mạc	Cổng Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở 1 cánh.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé.
5	9	Cổng Lương Cỏ	Cổng mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cổng mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cổng mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cổng mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Cổng mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cổng đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Không có vị trí nào.***

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Đập Nhật Tựu, Công Lương Cỏ, Phù Lý – cầu Phù Vân.

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín. Kênh Hòa Bình.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần.*

Không đạt mức D: Cống Liên Mạc, Cầu Diên, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Sông Dăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 4 km/h. Không có dòng chảy. Cổng Liên Mạc 1 đóng, cổng Liên Mạc 2 mở 1 cánh. Mục nước trung bình. Nước màu đen.	7.17	30.6	0.96	0.5	8.314	1.935	671	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 97%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mục nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.3	22.7	1.09	0.5	7.071	2.385	650	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào.									
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.21	27.1	0.79	0.6	15.152	1.778	717	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 15°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy nhanh về hạ lưu, mực nước	7.36	35.9	0.88	0.6	19.192	2.295	726	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.	trung bình. Nước màu đen.								
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 15°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.31	42.5	1.76	0.5	10.023	3.938	687	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió BDB 12 km/h. Dòng chảy chậm về	7.51	37.6	2.96	0.4	3.225	3.060	551	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.	hạ lưu. Đập mở thông. Mục nước trung bình. Nước màu xanh lục.								
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió BĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.36	28.1	3.76	0.4	1.702	2.633	507	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió BĐB 12	7.47	23.5	5.17	0.3	1.368	2.363	461	Các chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở hé. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.								hiện trường pH, DO đạt mức B
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió BDB 10 km/h. Công mở. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	7.41	20.7	5.46	0.3	0.979	2.903	426	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió BDB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra	7.47	18.6	5.71	0.3	0.785	1.688	401	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào sông Đáy.	nhập lưu sông Đáy. Mức nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu xanh.								
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 4 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mức nước trung bình. Nước màu nâu đen.	7.36	28.1	1.76	0.6	12.354	2.903	657	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy nhanh ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu	7.3	40.7	1.96	0.4	8.936	3.083	672	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
			nâu đục.									
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 15°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.	7.06	22.3	0.59	0.6	20.901	2.633	791	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 4 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Cổng mở tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước trung bình. Nước màu vàng đen,	7.47	20.3	0.61	0.6	17.638	1.755	816	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			mùi hôi thối.								
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở tiêu nước ra sông. Mực nước trung bình. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.06	22.9	0.47	0.6	20.124	1.170	906	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, cổng mở hé. Mực nước thấp.	7.12	25.2	0.61	0.6	19.037	1.710	881	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.								
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.41	27.5	0.69	0.6	21.678	2.588	836	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h.	7.29	30.7	0.86	0.6	15.929	2.295	790	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		cuối nguồn.	Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen.								
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nổi sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió BDB 12 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy. Mực nước cao. Trên kênh có nhiều rác. Nước màu xanh lục.	7.41	18.2	4.97	0.3	0.979	3.083	417	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió BDB 12 km/h. Dòng chảy chậm, nước từ sông Nhuệ vào, mực nước trung	7.42	26.7	4.01	0.4	2.339	1.935	501	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	binh. Nước màu xanh lục.								
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 14°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Cống mở, mực nước trung bình. Nước màu xám đen.	7.46	42.5	0.86	0.6	16.861	3.578	817	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 15°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Dưới sông có nhiều rác thải.	7.39	52.9	4.59	0.3	0.839	2.318	417	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Tin		Nước màu nâu đục.								
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 15°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.49	27.6	4.78	0.3	1.368	2.813	407	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn